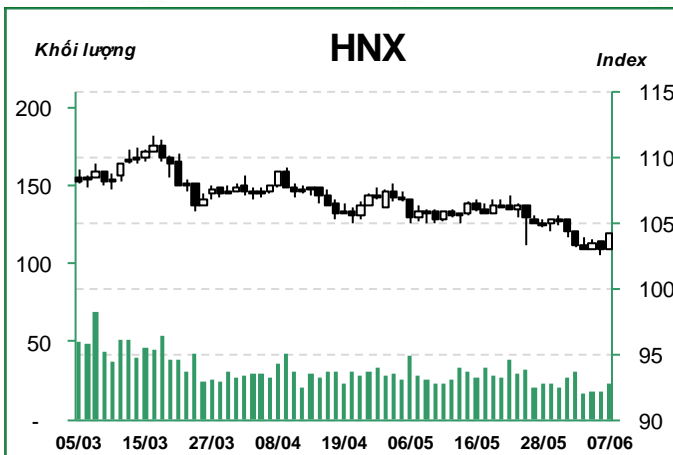
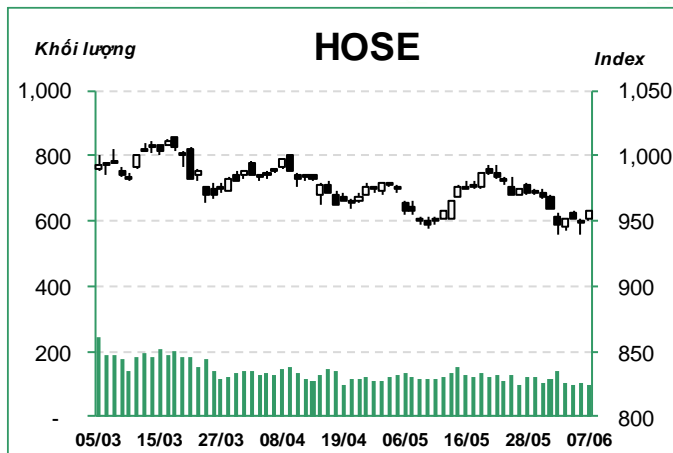


## Tổng quan thị trường

| 07/06/2019                  | HOSE            |               | VN30            |                | HNX             |               |
|-----------------------------|-----------------|---------------|-----------------|----------------|-----------------|---------------|
|                             | Giá trị         | Thay đổi %    | Giá trị         | Thay đổi %     | Giá trị         | Thay đổi %    |
| <b>Giá trị đóng cửa</b>     | <b>958.28</b>   | <b>1.06%</b>  | <b>869.56</b>   | <b>0.96%</b>   | <b>104.21</b>   | <b>1.14%</b>  |
| Cuối tuần trước             | 959.88          | -0.17%        | 876.29          | -0.77%         | 104.35          | -0.14%        |
| Trung bình 20 ngày          | 968.95          | -1.10%        | 882.91          | -1.51%         | 105.05          | -0.80%        |
| <b>Tổng KLGD (triệu cp)</b> | <b>148.04</b>   | <b>17.74%</b> | <b>43.66</b>    | <b>-11.39%</b> | <b>26.64</b>    | <b>25.72%</b> |
| <b>KLGD khớp lệnh</b>       | <b>97.84</b>    | <b>-2.91%</b> | <b>33.45</b>    | <b>-12.51%</b> | <b>22.75</b>    | <b>24.75%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 117.88          | -16.99%       | 37.65           | -11.15%        | 26.00           | -12.50%       |
| <b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>  | <b>3,302.11</b> | <b>5.52%</b>  | <b>1,580.31</b> | <b>-13.14%</b> | <b>289.08</b>   | <b>13.80%</b> |
| <b>GTGD khớp lệnh</b>       | <b>2,300.16</b> | <b>4.20%</b>  | <b>1,182.07</b> | <b>-5.34%</b>  | <b>270.28</b>   | <b>21.97%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 2,664.82        | 23.91%        | 1,368.09        | 15.51%         | 321.68          | -10.14%       |
|                             | <b>Tỷ trọng</b> |               | <b>Tỷ trọng</b> |                | <b>Tỷ trọng</b> |               |
| <b>Số mã tăng</b>           | 209             | 61%           | 24              | 80%            | 21              | 70%           |
| <b>Số mã giảm</b>           | 83              | 24%           | 3               | 10%            | 3               | 10%           |
| <b>Số mã đứng giá</b>       | 51              | 15%           | 3               | 10%            | 6               | 20%           |



Âm vang của cú test đáy cuối phiên chiều hôm trước đã tạo một tâm lý tích cực trong suốt cả ngày giao dịch. Chỉ số bật mạnh từ đầu ngày và kéo dài đà phục hồi đến tận những giây phút cuối để khép lại một tuần giao dịch trong sắc xanh. Thanh khoản cũng có sự cải thiện trở lại ủng hộ đà tăng trên cả hai sàn là điểm tựa tương đối vững chắc giúp cho chỉ số có thể giữ được nhịp phục hồi được kéo dài thêm. Về phần diễn biến của khối ngoại, đà bán ròng vẫn hiện diện trên HOSE cũng như HNX vẫn chứng kiến việc đà bán với lượng bán tương đối thấp. Nhìn chung, thị trường đang trong một đợt hồi kỹ thuật từ vùng đáy, tuy nhiên với vol tăng không quá thuyết phục và hai chỉ số đều đang tiệm cận các vùng cản thì khả năng rung lắc có thể xảy ra khi thị trường thử thách các ngưỡng kháng cự quan trọng. Trong thời điểm hiện tại, nhà đầu tư nên cân nhắc bám sát diễn biến của thị trường trong nhịp phục hồi để cân đối danh mục cho hợp lý.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 958.28 điểm (+1.06%), với KLGD khớp lệnh đạt 97.8 triệu cổ phiếu (-2.9%), tương đương 2,300 tỷ đồng giá trị (+4.2%).

Đi đầu trong phong trào tăng điểm là sự đồng thuận đến từ nhóm Bất động sản với sắc xanh của Vinhomes-VHM (+2.4%), VinGroup-VIC (+0.9%), BĐS Nam Long-NLG (+4.4%) đã dẫn dắt đà tăng của thị trường, bên cạnh đó nhóm Dầu khí với PV GAS (+3.2%), Petrolimex-PLX (+1.1%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (+2.4%) cũng có phiên giao dịch tích cực để đưa chỉ số có được sắc xanh. Diễn biến đồng thuận đến từ các cổ phiếu BIDV-BID (+1.3%), Techcombank-TCB (+1.2%), MBBank-MBB (+1.7%) của nhóm Ngân hàng và cổ phiếu Vietnam Airlines-HVN (+4.1%), Vietjet Air-VJC (+0.7%), Ánh Dương Việt Nam-VNS (+3.0%) nhóm Vận tải.

Khối ngoại giảm nhẹ bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 124.2 tỷ đồng (-8.1%), tập trung bán GAS (-39.3 tỷ), HPG (-31.4 tỷ),

## Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK       | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| <b>HOSE</b> |                      |                |
| SBT         | 6,900.0              | 120.75         |
| SCR         | 14,254.6             | 113.91         |
| VIC         | 727.1                | 84.83          |
| MWG         | 862.7                | 79.80          |
| NVL         | 485.0                | 29.59          |
| VHM         | 345.0                | 28.12          |
| TRC         | 950.0                | 23.89          |
| VGC         | 1,150.0              | 23.08          |
| VNM         | 174.1                | 22.07          |
| SHI         | 2,084.0              | 17.50          |
| <b>HNX</b>  |                      |                |
| SHB         | 2,228.1              | 15.60          |
| VIG         | 1,600.0              | 2.08           |
| TKC         | 17.0                 | 0.39           |
| SHE         | 29.9                 | 0.35           |
| SJE         | 10.4                 | 0.26           |
| VSA         | 6.0                  | 0.11           |
| ACB         | 0.1                  | 0.00           |
| SHS         | 0.1                  | 0.00           |
| DBC         | 0.1                  | 0.00           |

VNM (-30.1 tỷ) trong khi mua vào VIC (+11.0 tỷ), HVN (+9.9 tỷ), NVL (+7.8 tỷ).

Có diễn biến tương tự, HNX-Index đóng cửa tại mức 104.21 điểm (+1.14%), với KLGĐ khớp lệnh đạt 22.8 triệu cổ phiếu (+24.8%), tương đương 270.3 tỷ đồng giá trị (+22.0%).

Đà tăng cũng hiện diện trong phiên ngày hôm nay ở sàn HNX khi chỉ số đã lấy lại được sắc xanh sau phiên điều chỉnh hôm qua. Đà phục hồi của các cổ phiếu Dầu khí như DVKT Dầu khí PTSC-PVS (+4.1%), Bọc ống Dầu khí Việt Nam-PVB (+1.6%) đã đóng góp đà tăng cho chỉ số, bên cạnh đó lực phục hồi đáng kể còn đến từ Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.7%), SHB-SHB (+1.4%) và Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+2.5%) của nhóm Ngân hàng. Có một diễn biến tương tự, các cổ phiếu VICOSTONE-VCS (+2.0%), Gạch men Thanh Thanh-TTC (+5.6%) nhóm Vật liệu và các cổ phiếu Tái bảo hiểm Quốc gia-VNR (+2.4%), Bảo hiểm PVI-PVI (+1.4%) thuộc nhóm Bảo hiểm đã đóng góp cho chỉ số những điểm số tích cực.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 0.8 tỷ đồng (-78.1%), chủ yếu bán PVS (-4.1 tỷ), HGM (-3.5 tỷ), CSC (-0.6 tỷ) trong khi TIG (+0.4 tỷ), TNG (+0.3 tỷ), SRA (+0.1 tỷ) chủ yếu được mua vào.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tiếp tục duy trì ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn thận trọng. Không những vậy, xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là điều chỉnh, khi chỉ số đang duy trì đóng cửa dưới MA20, kèm theo đường -DI nằm trên +DI. Tuy nhiên, khi quan sát kỹ diễn biến của chỉ số trên đồ thị nến, chúng tôi nhận thấy chỉ số đang hình thành cây nến Hammer vào phiên 6/6 và hình thành cây nến bullish Maruboru vào phiên vừa qua, cho tín hiệu gia tăng cơ hội đảo chiều xu hướng giảm hiện tại. Chúng tôi cho rằng ngưỡng kháng cự xu hướng có thể ở vùng 968-970 điểm (MA20). Do đó, nhà đầu tư nên quan sát thị trường tại vùng kháng cự trước khi có quyết định giải ngân mới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số cũng có phiên tăng điểm trở lại nhưng vẫn đóng cửa dưới MA20, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là điều chỉnh, phiên phục hồi vừa qua có thể chỉ nằm trong một nhịp hồi kỹ thuật, với ngưỡng kháng cự gần quanh 105.1 điểm (MA20). Nhìn chung, xu hướng chính trong ngắn hạn có thể vẫn là điều chỉnh. Tuy nhiên, thị trường đang cho những tín hiệu cho thấy cơ hội đảo chiều xu hướng hiện tại. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng ở mức hợp lý và quan sát kỹ thị trường tại các vùng kháng cự xu hướng trước khi có các quyết định giải ngân mới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PIT   | 5.4                 | 0.8            | 7.0%         |
| RIC   | 4.8                 | 0.2            | 7.0%         |
| TDM   | 30.7                | 926.5          | 7.0%         |
| SZL   | 47.1                | 197.7          | 6.9%         |
| HTL   | 17.9                | 0.0            | 6.9%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SMA   | 13.4                | 0.1            | -7.0%        |
| HVH   | 25.4                | 457.6          | -7.0%        |
| DTL   | 30.2                | 0.0            | -6.9%        |
| TCO   | 12.9                | 0.0            | -6.9%        |
| VNL   | 16.3                | 0.0            | -6.9%        |

#### Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ROS   | 30.0                | 321.8             | -0.2%        |
| HPG   | 23.0                | 117.4             | 1.1%         |
| VJC   | 122.2               | 65.2              | 0.7%         |
| FPT   | 45.2                | 58.8              | 1.6%         |
| MWG   | 88.3                | 57.5              | 2.1%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ROS   | 30.0                | 10,815.6       | -0.2%        |
| HPG   | 23.0                | 5,101.3        | 1.1%         |
| SCR   | 7.5                 | 3,535.4        | 0.0%         |
| POW   | 16.1                | 3,216.1        | 1.9%         |
| PVD   | 18.9                | 3,066.5        | 2.5%         |

### HNX

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| MBG   | 5.5                 | 48.0           | 10.0%        |
| FID   | 1.1                 | 0.2            | 10.0%        |
| VNF   | 22.3                | 0.2            | 9.9%         |
| STC   | 17.9                | 0.1            | 9.8%         |
| VC1   | 13.7                | 0.1            | 9.6%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ACM   | 0.5                 | 28.2           | -16.7%       |
| BII   | 0.9                 | 987.2          | -10.0%       |
| SFN   | 27.2                | 0.7            | -9.9%        |
| VC9   | 11.8                | 0.1            | -9.9%        |
| TMB   | 9.1                 | 2.0            | -9.9%        |

#### Top 5 giá trị

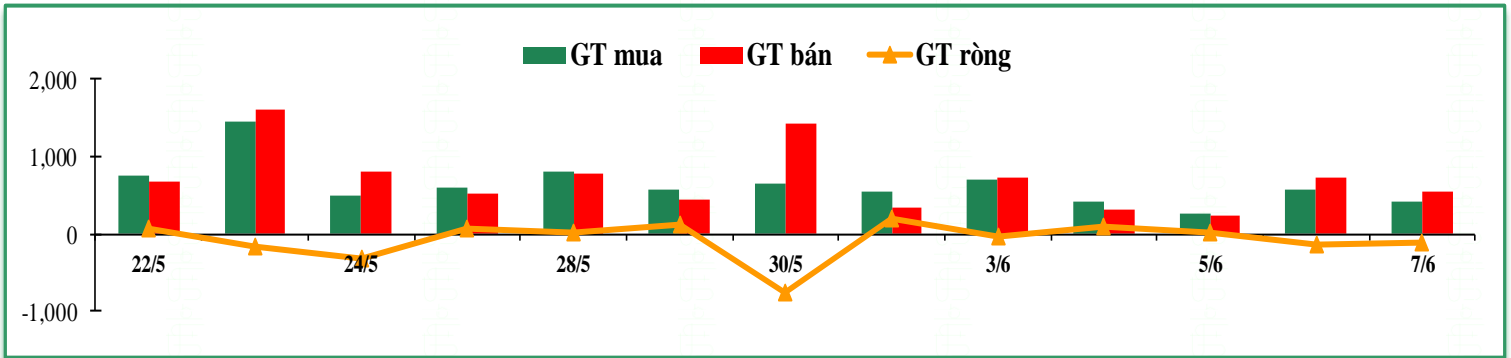
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 22.6                | 83.8              | 4.2%         |
| TNG   | 22.9                | 18.7              | 2.2%         |
| SHB   | 7.1                 | 15.4              | 1.4%         |
| SHS   | 11.9                | 15.3              | 5.3%         |
| NVB   | 8.3                 | 14.6              | 2.5%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PVS   | 22.6                | 3,766.0        | 4.2%         |
| SHB   | 7.1                 | 2,192.2        | 1.4%         |
| NVB   | 8.3                 | 1,778.5        | 2.5%         |
| TIG   | 3.4                 | 1,550.2        | -2.9%        |
| SHS   | 11.9                | 1,303.0        | 5.3%         |

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD         | GT Mua       | % Thị trường | GT Bán       | % Thị trường | Mua-Bán       |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|
| HOSE           | 414.0        | 18.0%        | 538.1        | 23.4%        | -124.2        |
| HNX            | 1.7          | 0.6%         | 2.5          | 0.9%         | -0.8          |
| <b>Tổng số</b> | <b>415.7</b> |              | <b>540.6</b> |              | <b>-125.0</b> |



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VIC   | 117.0               | 94.7              | 1.0%         |
| MWG   | 88.3                | 75.6              | 2.1%         |
| VHM   | 82.2                | 37.9              | 2.4%         |
| HPG   | 23.0                | 31.8              | 1.1%         |
| VNM   | 126.6               | 27.2              | 0.1%         |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VIC   | 117.0               | 83.7              | 1.0%         |
| MWG   | 88.3                | 75.6              | 2.1%         |
| HPG   | 23.0                | 63.2              | 1.1%         |
| VNM   | 126.6               | 57.2              | 0.1%         |
| GAS   | 103.0               | 52.5              | 3.2%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VIC   | 117.0               | 11.0              | 1.0%         |
| HVN   | 43.2                | 9.9               | 4.1%         |
| NVL   | 60.7                | 7.8               | 0.7%         |
| BVH   | 78.3                | 5.3               | 0.6%         |
| SSI   | 25.1                | 5.2               | 1.4%         |

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| TNG   | 22.9                | 0.5               | 2.2%         |
| DBC   | 24.0                | 0.2               | 9.1%         |
| BCC   | 8.0                 | 0.2               | 3.9%         |
| S55   | 24.2                | 0.1               | 0.0%         |
| DS3   | 4.1                 | 0.1               | 2.5%         |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 22.6                | 0.8               | 4.2%         |
| INN   | 36.0                | 0.6               | 0.0%         |
| VBC   | 19.0                | 0.2               | 8.6%         |
| DBC   | 24.0                | 0.2               | 9.1%         |
| WCS   | 169.0               | 0.2               | 2.4%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| TNG   | 22.9                | 0.5               | 2.2%         |
| BCC   | 8.0                 | 0.2               | 3.9%         |
| S55   | 24.2                | 0.1               | 0.0%         |
| DS3   | 4.1                 | 0.1               | 2.5%         |
| HHP   | 17.7                | 0.1               | 0.6%         |

## Tin trong nước

### **FTSE ETF thêm POW, loại HNG ra khỏi danh mục**

Tỷ trọng hiện tại của HNG trong danh mục FTSE ETF là 1,26%.

Theo thông báo từ FTSE, trong kỳ điều chỉnh danh mục quý II/2019, FTSE Vietnam Index đã thêm cổ phiếu POW trong khi loại cổ phiếu HNG ra khỏi danh mục đầu tư kỳ này.

Đối với chỉ số FTSE Vietnam All-Share Index, POW, TPB, PPC và PHR là bốn cổ phiếu được thêm vào trong khi EIB và HNG bị loại.

Theo dữ liệu mới nhất của Bloomberg, VIC là mã chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục của FTSE Vietnam Index với 15,94%. Tiếp sau đó là VNM và VHM có tỷ trọng lần lượt 14,16% và 13,97%. Tỷ trọng hiện tại của HNG trong danh mục FTSE ETF là 1,26%.

Danh mục mới của FTSE ETF sẽ có hiệu lực sau giờ phiên giao dịch ngày thứ Sáu (21/6).

### **Nợ công của Việt Nam đang ở mức nào?**

**Theo Bộ Tài chính, nợ công tính đến 31/12/2018 của Việt Nam ở mức 58,4% GDP, bảo đảm trong giới hạn.**

#### **Vẫn trong giới hạn**

Dữ liệu Bộ Tài chính cung cấp cho biết dự kiến nợ công năm 2018 là 58,4% GDP; nợ Chính phủ là 50% GDP. Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ/thu ngân sách là 15,9%. Nợ nước ngoài quốc gia là 46% GDP...

Theo Bộ Tài chính, các chỉ tiêu nợ nói trên bảo đảm trong giới hạn được Quốc hội quyết định và thấp hơn mức dự kiến tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 1/1/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2018.

Mặc dù quy mô danh mục nợ Chính phủ được kiểm soát tốt nhưng cùng với ảnh hưởng của việc Việt Nam dừng nhận các khoản vay ưu đãi từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) thuộc Ngân hàng Thế giới (WB) kể từ năm 2017, các chỉ tiêu chi phí - rủi ro danh mục nợ Chính phủ, đặc biệt là nợ nước ngoài, có xu hướng kém thuận lợi hơn trước đây.

Cụ thể, rủi ro tái cấp vốn tập trung vào các khoản nợ trong nước của Chính phủ do nghĩa vụ trả nợ đến hạn tập trung cao vào một số năm (9,3% danh mục nợ trong nước của Chính phủ sẽ đến hạn năm 2019 và 32,7% sẽ đến hạn trong giai đoạn 2019-2021), điều này sẽ tác động đến việc bố trí nguồn trả nợ trong cân đối NSNN.

Đối với danh mục nợ nước ngoài của Chính phủ, trong 5 năm tới các khoản vay ODA sẽ giảm dần, tiến đến kết thúc, dẫn đến thiếu hụt nguồn vốn vay dài hạn, ưu đãi cho đầu tư. Thay vào đó, Chính phủ cần huy động các khoản vay mới với điều kiện kém ưu đãi hơn nhiều, sát với thị trường để bù đắp thiếu hụt cho cân đối NSNN và đầu tư công trung hạn

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Phát Đạt phát hành tiếp 150 tỷ đồng trái phiếu lãi suất 14%/năm**

**Đây là đợt phát hành trái phiếu lần thứ 4 của Phát Đạt tính từ đầu năm đến nay. Nếu thành công, số tiền mà doanh nghiệp huy động lên gần 1.000 tỷ đồng.**

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) thông qua việc phát hành 150 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu 100 triệu đồng.

Lãi suất trái phiếu 14%/năm với kỳ hạn một năm kể từ ngày phát hành. Tiền lãi được trả 3 tháng /lần, trả sau, vào ngày trả lãi. Dự kiến Phát Đạt thực hiện trong quý II hoặc III.

Đây là lần thứ 4 trong năm, Phát Đạt phát hành trái phiếu. Trước đó, Phát Đạt có 3 lần phát hành trái phiếu với tổng số tiền gần 850 tỷ đồng. Lãi suất các kỳ phát hành của Phát Đạt là 14,45%, 12% và 10,5%.

Ngoài việc phát hành trái phiếu, Phát Đạt mới đây cũng ký hợp đồng vay 22,5 triệu USD từ đối tác nước ngoài Samty Corporation. Công ty cho biết khoản tiền này sẽ hỗ trợ một phần trong kế hoạch đầu tư phát triển cho một số dự án hiện tại, trong đó có việc tài trợ một phần cho phân khu số 4 thuộc Khu du lịch sinh thái Nhơn Hội.

### **Fecon dự kiến lãi 6 tháng tăng 176% do bán vốn dự án điện mặt trời**

Sáng 6/6, trong buổi chia sẻ cơ hội đầu tư, Chủ tịch CTCP Fecon (HOSE: FCN) Phạm Việt Khoa cho biết dù mới nửa đầu tháng 6 nhưng công ty ước tính sẽ ghi nhận doanh thu 715,5 tỷ đồng trong quý II, cao hơn 30% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng 2,4 lần đạt 150,3 tỷ đồng. Lãnh đạo cho biết công ty ghi nhận lãi đột biến trong quý II nhờ bán một phần vốn góp tại dự án Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6.

Lũy kế nửa đầu năm, Fecon dự kiến nhận doanh thu và lãi sau thuế lần lượt 1.206 tỷ đồng và 150,3 tỷ đồng, tăng 30% và 176% so với cùng kỳ 2018. Công ty thực hiện 29% kế hoạch doanh thu và 42% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

Trong chiến lược dài hạn, Chủ tịch Phạm Việt Khoa đặt mục tiêu Fecon sẽ đạt vốn hóa 1 tỷ USD và 100 triệu USD lợi nhuận sau thuế.

Doanh nghiệp định hướng phát triển dự án theo 4 mảng chính gồm bất động sản, năng lượng, giao thông, hạ tầng đô thị và môi trường.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do                                      |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--|
| 1   | VIC   | Mua         | 10/6/2019        | 117.0        | 117.0         | 0.0%           | 122.0        | 4.3%       | 115.0      | -1.7%      | Quay lại xu hướng phục hồi                 |
| 2   | HVN   | Mua         | 10/6/2019        | 43.2         | 43.2          | 0.0%           | 50.0         | 15.7%      | 40.9       | -5.3%      | Bật tăng tốt trở lại từ vùng hỗ trợ        |
| 3   | MSH   | Nắm giữ     | 6/6/2019         | 62.4         | 58.1          | 7.4%           | 66.1         | 13.8%      | 56.9       | -2.1%      |  |
| 4   | HVH   | Bán         | 25/4/2019        | 25.4         | 26.1          | -2.5%          | 31.0         | 19.0%      | 24.2       | -7.1%      | Tín hiệu tiêu cực khi giảm mạnh thủng MA50 |

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1   | DBD   | Mua         | 5/6/2019         | 43.70        | 43.70         | 0.0%           | 47.3         | 8%         | 42.5       | -3%        |         |
| 2   | MSH   | Nắm giữ     | 6/6/2019         | 62.40        | 58.10         | 7.4%           | 66.1         | 14%        | 56.9       | -2%        |         |
| 3   | MFS   | Mua         | 7/6/2019         | 31.10        | 28.70         | 8.4%           | 35.0         | 22%        | 27.6       | -4%        |         |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK                     | Sàn   | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018/19E (tỷ) | EPS 2018/19E | BV 2018/19E | ROE 2018/19E | ROA 2018/19E | PE 2018/19E | PB 2018/19E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|-------------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|------------------|
| <a href="#">STK</a> (New) | HOSE  | 24,700  | 27,398        | 04/06/2019      | 211                     | 2,980        | 15,841      | 19%          | 9%           | 9.2         | 1.7         | 15%              |
| <a href="#">PHR</a> (New) | HOSE  | 58,000  | 55,300        | 23/05/2019      | 1,065                   | 7,858        | N/A         | 37%          | 20%          | 7.0         | 2.4         | 40%              |
| <a href="#">HPG</a> (New) | HOSE  | 22,950  | 33,600        | 19/04/2019      | 8,501                   | 4,003        | N/A         | 23%          | 13%          | 10.0        | 2.6         | N/A              |
| <a href="#">MSN</a> (New) | HOSE  | 86,000  | 96,375        | 18/04/2019      | 5,206                   | 4,476        | 33,331      | 14%          | 8%           | 22.0        | 2.9         | N/A              |
| <a href="#">GAS</a> (New) | HOSE  | 103,000 | 90,500        | 11/04/2019      | 11,510                  | 6,014        | N/A         | 24%          | 16%          | 16.0        | 2.6         | N/A              |
| <a href="#">POW</a> (New) | HOSE  | 16,050  | 19,100        | 13/03/2019      | 2,133                   | 911          | 10,685      | 9%           | 4%           | 21.0        | 1.8         | 7%               |
| <a href="#">CTD</a>       | HOSE  | 105,600 | 157,632       | 25/01/2019      | 1,608                   | 21,302       | 117,140     | 19%          | 9%           | 7.4         | 1.3         | 50%              |
| <a href="#">BMP</a>       | HOSE  | 44,500  | 75,200        | 09/01/2019      | 499                     | 6,090        | 33,553      | 19%          | 16%          | 12.4        | 2.2         | 40%              |
| <a href="#">CTI</a>       | HOSE  | 23,800  | 30,370        | 24/12/2018      | 139                     | 1,789        | 23,470      | 10%          | 3%           | 16.9        | 1.3         | 10%              |
| <a href="#">QNS</a>       | HOSE  | 31,100  | 47,753        | 21/12/2018      | 1,097                   | 3,751        | 16,965      | 23%          | 15%          | 12.7        | 2.8         | 15%              |
| <a href="#">ANV</a>       | HOSE  | 28,500  | 42,824        | 12/12/2018      | 588                     | 3,890        | 14,795      | 38%          | 18%          | 12.0        | 2.9         | 20%              |
| <a href="#">LHG</a>       | HOSE  | 19,350  | 27,200        | 05/12/2018      | 182                     | 3,643        | 23,964      | 16%          | 9%           | 7.5         | 1.1         | 15%              |
| <a href="#">GIL</a>       | HOSE  | 31,600  | 47,122        | 04/12/2018      | 176                     | 9,237        | 38,783      | 27%          | 11%          | 5.1         | 1.2         | 30%              |
| <a href="#">NTC</a>       | UPCOM | 143,400 | 91,800        | 04/12/2018      | 440                     | 27,497       | 34,719      | 94%          | 14%          | 7.1         | 3.2         | 60%              |
| <a href="#">ACB</a>       | HNX   | 28,700  | 37,400        | 29/11/2018      | 5,349                   | 4,289        | 17,477      | 28%          | 2%           | 8.7         | 2.1         | 15%              |
| <a href="#">DVP</a>       | HOSE  | 38,500  | 66,000        | 28/11/2018      | 326                     | 6,879        | 28,359      | 26%          | 23%          | 9.6         | 2.3         | 45%              |
| <a href="#">HVN</a>       | UPCOM | 43,200  | 36,000        | 14/11/2018      | 2,145                   | 1,512        | 13,897      | 12%          | 2%           | 21.8        | 2.4         | 8%               |
| <a href="#">KDH</a>       | HOSE  | 30,900  | 32,900        | 14/11/2018      | 671                     | 1,736        | 15,050      | 11%          | 7%           | 18.9        | 2.1         | 5%               |
| <a href="#">TNG</a>       | HNX   | 22,900  | 22,705        | 05/11/2018      | 175                     | 3,548        | 15,909      | 25%          | 7%           | 6.4         | 1.4         | 20%              |
| <a href="#">TCM</a>       | HOSE  | 26,950  | 29,986        | 05/11/2018      | 241                     | 4,436        | 32,810      | 21%          | 7%           | 6.8         | 0.9         | 10%              |
| <a href="#">VJC</a>       | HOSE  | 122,200 | 104,300       | 05/11/2018      | 5,810                   | 10,727       | 42,703      | 46%          | 18%          | 12.5        | 3.9         | 40%              |
| <a href="#">FPT</a>       | HOSE  | 45,200  | 57,500        | 17/10/2018      | 3,533                   | 5,124        | 19,748      | 28%          | 14%          | 10.0        | 2.9         | 25%              |

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.